

Số: 97 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 (nguồn vốn viện trợ và vốn vay nước ngoài) của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 14/TB-BTC ngày 08/01/2026 của Bộ Tài chính về việc thẩm định số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 (nguồn vốn viện trợ, vốn vay nước ngoài);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 (nguồn vốn viện trợ và vốn vay nước ngoài) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Bộ GDĐT (công khai số liệu quyết toán của đơn vị theo quy định);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Nguồn vốn viện trợ, vốn vay nước ngoài)

(Kèm theo Quyết định số 97 /QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
A	QUYẾT TOÁN THU, CHI NỢP NGÂN SÁCH, PHÍ, LỆ PHÍ				
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	201.532.054.785	201.532.054.785	0	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			0	
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	121.185.572.443	121.185.572.443	0	
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	121.185.572.443	121.185.572.443	0	
3.1	Đa dạng cây trồng trên nền đất lúa trong điều kiện nhiễm mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (FOCUS)	3.746.226.762	3.746.226.762	0	Đại học Cần Thơ
3.2	Các giải pháp can thiệp dưới tác động của Biến đổi khí hậu đến các Đồng bằng ven biển (Living Deltas)	242.527.200	242.527.200	0	Đại học Cần Thơ
3.3	Phí dự án Chương trình học bổng STEM Quỹ Châu Á	1.030.000.000	1.030.000.000	0	Đại học Cần Thơ
3.4	Hỗ trợ giảm thiểu sử dụng các chất kháng sinh trong nuôi tôm ở Đồng bằng Sông Cửu Long, giai đoạn 2 (gọi tắt là dự án RAUS giai đoạn 2)	537.000.000	537.000.000	0	Đại học Cần Thơ
3.5	Chương trình mạng lưới hợp tác đào tạo dựa trên nghiên cứu về khoa học sinh học thực phẩm ở Việt Nam (VLIR)	1.097.552.757	1.097.552.757	0	Đại học Cần Thơ
3.6	Bền vững cho đồng bằng và vùng ven biển ở Đông Nam Á (MARE)	144.681.030	144.681.030	0	Đại học Cần Thơ
3.7	Nâng cao năng lực cho thanh niên trong ứng dụng năng lượng tái tạo và canh tác nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.	770.608.801	770.608.801	0	Đại học Cần Thơ
3.8	Học tập và kỹ năng cho trẻ em	48.185.011.159	48.185.011.159	0	Ban quản lý các dự án Bộ GDĐT
3.9	Chăm sóc mắt học đường mới rộng	1.487.796.844	1.487.796.844	0	Ban quản lý các dự án Bộ GDĐT
3.10	Sức khỏe thanh thiếu niên Việt Nam giai đoạn 2023-2025	3.899.981.352	3.899.981.352	0	Văn phòng Bộ GDĐT
3.11	Phát triển Công tác xã hội và Tư vấn tâm lý trong trường học giai đoạn 2022 – 2024	2.463.467.049	2.463.467.049	0	Văn phòng Bộ GDĐT
3.12	Chương trình Tăng tốc khởi nghiệp tạo tác động xã hội: Hỗ trợ sinh viên phát triển dự án khởi nghiệp tạo tác động xã hội sau Ngày Hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên	2.259.009.296	2.259.009.296	0	Văn phòng Bộ GDĐT

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
3.13	Phương pháp tiếp cận dựa vào hệ sinh thái để quản lý rủi ro lũ lụt nhằm phát triển đô thị theo hướng thích ứng và bền vững ở miền Trung Việt Nam (FloodAdapt)	1.401.675.729	1.401.675.729	0	Văn phòng Đại học Huế
3.14	Hợp tác về đào tạo, phát triển chương trình và nghiên cứu giữa Đại học Huế và các cơ sở giáo dục đại học Ailen (VIBE)	1.345.062.346	1.345.062.346	0	Văn phòng Đại học Huế
3.15	Phát triển Chương trình đào tạo Thạc sỹ về Chính sách và Pháp luật Môi trường	1.786.201.092	1.786.201.092	0	Văn phòng Đại học Huế
3.16	Quản lý rác thải rắn bền vững	311.665.198	311.665.198	0	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế
3.17	Nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số ở miền Trung Việt Nam	2.758.000.000	2.758.000.000	0	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế
3.18	Tăng cường năng lực và thúc đẩy thực hành bảo vệ trẻ em trong sản xuất cà phê	696.393.747	696.393.747	0	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế
3.19	Nông nghiệp liên kết hướng đến thu nhập bền vững cho đồng bào thiểu số	5.408.000.000	5.408.000.000	0	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế
3.20	Chương trình hợp tác thể chế đại học (IUC) Giai đoạn 1 với Trường Đại học Quy Nhơn	8.614.604.370	8.614.604.370	0	Trường Đại học Quy Nhơn
3.21	Chương trình Học bổng STEM Quỹ Châu Á" do Quỹ Châu Á, Mỹ tài trợ giai đoạn từ tháng 01/2024 – 12/2028	691.712.170	691.712.170	0	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
3.22	Khảo sát xác minh kinh doanh với khu vực tư nhân cho mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đối với thiết bị giám sát và hệ thống cảnh báo hỗ trợ quản lý an toàn trong thi công cơ sở hạ tầng tại Việt Nam (ASSM)	1.943.806.260	1.943.806.260	0	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
3.23	Nghiên cứu vật liệu thích ứng với khí hậu trong bối cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam (Camarsec)	2.820.910.911	2.820.910.911	0	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
3.24	Phát triển hệ thống cấp nước thích ứng với nguồn nước ô nhiễm	6.105.000.000	6.105.000.000	0	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
3.25	Quản lý và phục hồi rừng ngập mặn ở phía Bắc Khánh Hòa – Hướng tới cảnh quan bền vững	1.492.992.999	1.492.992.999	0	Trường Đại học Nha Trang
3.26	Ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm và tái chế lưới đánh cá ở khu vực biển Việt Nam thực hiện tại Trường Đại học Nha Trang	4.072.275.522	4.072.275.522	0	Trường Đại học Nha Trang
3.27	Viện trợ phi dự án "Lejeune Room tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng"	241.000.000	241.000.000	0	Văn phòng Đại học Đà Nẵng
3.28	Nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em thiệt thòi tại Việt Nam	1.299.633.917	1.299.633.917	0	Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục
3.29	Phát triển chương trình đào tạo trong lĩnh vực khoa học phân tử và vật liệu theo định hướng nghiên cứu	4.297.412.138	4.297.412.138	0	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
3.30	Hội thảo quốc tế Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp lao động thông qua phương thức hòa giải và trọng tài tại Việt Nam	356.127.700	356.127.700	0	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh
3.31	Nghiên cứu phát triển và chế tạo Vaccine phòng dịch bệnh	1.063.636.661	1.063.636.661	0	Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
3.32	Nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật tại Việt Nam	150.000.000	150.000.000	0	BQLDA Nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật tại Việt Nam
3.33	Đổi mới quản trị đại học tại Đông Nam Á	58.326.131	58.326.131	0	Trường Đại học Hà Nội
3.34	Dự án Trung tâm hướng nghiệp Pháp ngữ Hà Nội	499.928.000	499.928.000	0	Trường Đại học Hà Nội
3.35	Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện	7.907.345.302	7.907.345.302	0	Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI	80.346.482.342	80.346.482.342	0	
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	80.346.482.342	80.346.482.342	0	
3.1	Chương trình Đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP)	24.837.897.983	24.837.897.983	0	Ban quản lý các dự án Bộ GDĐT
3.2	Dự án Tăng cường khả năng sẵn sàng đi học của trẻ mầm non	5.461.586.023	5.461.586.023	0	Ban quản lý các dự án Bộ GDĐT
3.2	Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ	50.046.998.336	50.046.998.336	0	Đại học Cần Thơ
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	